| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2023
"V/v Ly hôn; Nuôi con chung"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Võ Kim Ngân**

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

*Thư ký phiên toà:* Ông **Phạm Ngọc Chí** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia và đình thụ lý số: 288/2022/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc:*"Ly hôn; Nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: Bà **Đỗ Thị Thủy T**, sinh năm 1985, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 6A/D1 Quang Trung, phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh..

2- **Bị đơn**: Ông **Huỳnh Châu T**, sinh năm 1977 (Vắng mặt lần thứ hai)

Địa chỉ: Khu Phố 11, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2022, các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy T trình bày:*

Vào năm 2010 bà Đỗ Thị Thủy T và ông Huỳnh Châu T tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông (nay là phường Dương Đông) ngày 15-3-2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau một con chung là cháu Huỳnh Châu Trung H, sinh ngày 24-6-2011.

Từ năm 2016 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau làm rạn nứt tình cảm, vì thương con nên vợ chồng nhiều lần hàn gắn quan hệ nhưng không được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân trầm trọng, hạnh phúc không đạt được. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Châu T.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau một con chung là Huỳnh Châu Trung H, sinh năm 2011. Bà T yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Châu T đã được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt. Mặc dù ông T có mặt tại chỗ ở hiện nay, nhưng vẫn cố tình lánh mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

* Cháu Huỳnh Châu Trung H ý kiến tại bản thể hiện nguyện vọng ngày 25-11-2022 như sau: Cháu là con của mẹ Đỗ Thị Thủy T, cha là Huỳnh Châu T, hiện nay

cháu đang sống chung với mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T, ông T ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ, đây là nguyện vọng chính đáng của cháu.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:**

**Về thủ tục tố tụng:** Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn với ông T.

Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu H cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:*

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Thủy T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Châu T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông T là phù hợp.

**[2]** Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thủy T và ông Huỳnh Châu T xin đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc (nay là phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15-3-2010, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án bà T xác định bà không thể tiếp tục chung sống với ông T, vì giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn với nhau được, tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà T xác định khi sống chung với ông T giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi bà T, ông T sinh sống thì được biết bà T, ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bởi ông T thường ăn chơi, không chăm sóc cho con cái, không chăm lo cho gia đình. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp.

**[3]** Về con chung: Bà T, ông T sống chung sinh được một người con là cháu Huỳnh Châu Trung H.

Quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Xét nguyện vọng của cháu H muốn được sống với bà T và bà T cũng muốn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trường thành (18 tuổi). Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

**[4]** Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

**[5]** Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ, Hội đồng xét xử miễn xét.

**[6]** Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 39; 147; 238; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9; 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Bà Đỗ Thị Thủy T được ly hôn ông Huỳnh Châu T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Huỳnh Châu Trung H, sinh ngày 24-6-2011 cho bà Đỗ Thị Thủy T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi đủ trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung.Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản và nợ chung**: Bà T không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

**4. Về án phí:** Bà Đỗ Thị Thủy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000765 ngày 30-11-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, bà Tiên đã thực hiện xong.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bà T, ông T vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**** Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Kiên Giang;*
*- VKSND thành phố Phú Quốc;*
*- T.H.A DS thành phố Phú Quốc;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**Võ Kim Ngân**